

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành quy định mức thu học phí, kinh phí đào tạo, thi lại, học lại, học cải thiện điểm Trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm học 2017-2018

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng.

Căn cứ Quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Căn cứ Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021.

Căn cứ Quyết định số 599/QĐ-YDHP ngày 26/5/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc ban hành mức thu học phí và kinh phí các hệ đào tạo Đại học, sau Đại học năm học 2017-2018.

Xét đề nghị của các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng phòng Tài chính Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về mức thu học phí, kinh phí đào tạo, thi lại, học lại, học cải thiện điểm Trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm học 2017-2018.

Điều 2: Quy định này có hiệu lực chính thức và áp dụng cho các môn tổ chức học và thi kể từ sau ngày 30 tháng 03 năm 2018. Những quy định trước đây trái với quy định này bị bãi bỏ.

Điều 3: Mức phí học lại, thi lại đối với sinh viên thuộc diện xử lý học vụ áp dụng ngay từ năm học 2017-2018.

Điều 4: Các ông bà Trưởng các phòng: Đào tạo Đại học, Tài chính kế toán; các phòng ban có liên quan; các Khoa, Bộ môn và các lớp sinh viên căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu ĐTDH;
- Lưu TCKT;
- Lưu HCTH.



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. Phạm Văn Chúc

**QUY ĐỊNH VỀ MỨC THU HỌC PHÍ, KINH PHÍ ĐÀO TẠO, THI LẠI, HỌC LẠI, HỌC CẢI THIẾN ĐIỂM TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
NĂM HỌC 2017-2018**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 80 /QĐ-YDHP ngày 18 tháng 01 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

I. Học phí, kinh phí đào tạo theo tín chỉ:

Mức thu học phí của một tín chỉ được xác định căn cứ vào tổng thu học phí của 1 năm học theo nhóm ngành đào tạo và tổng số tín chỉ của 1 năm học theo công thức dưới đây:

$$\text{Học phí tín chỉ} = \frac{\text{Tổng học phí 1 năm học}}{\text{Tổng số tín chỉ 1 năm học}}$$

Tổng học phí 1 năm học = mức thu học phí 1 SV /1 tháng x 10 tháng.

1.1. Học phí đối với sinh viên hệ chính quy, hệ liên thông thuộc hệ thống ngành y được ngân sách Nhà nước hỗ trợ:

$$\text{Học phí TB/TC} = \frac{1.070.000 \text{ đ/tháng} \times 10 \text{ tháng}}{35 \text{ tín chỉ}} = 305.714 \text{ đồng/tín chỉ}$$

Làm tròn: **300.000 đồng/tín chỉ**

1.2. Học phí, kinh phí đào tạo đối với sinh viên hệ chính quy diện liên kết đào tạo, hệ liên thông thuộc các ngành khác và các thành phần kinh tế khác:

Sinh viên hệ chính quy diện liên kết đào tạo, hệ liên thông thuộc các ngành khác và các thành phần kinh tế khác phải cộng gộp cả kinh phí đào tạo với học phí để tính chi phí đào tạo trung bình/một tín chỉ, cụ thể:

$$\text{Học phí TB/TC} = \frac{(1.070.000 \text{ đ/tháng} + 2.000.000 \text{ đ/tháng}) \times 10 \text{ tháng}}{35 \text{ tín chỉ}} = 877.142 \text{ đồng/tín chỉ}$$

Làm tròn: **870.000 đồng/tín chỉ**

II. Học phí, kinh phí đào tạo theo niên chế:

2.1. Học phí đối với sinh viên hệ chính quy, hệ liên thông thuộc hệ thống ngành y được ngân sách Nhà nước hỗ trợ, căn cứ vào khoản 2 Điều 5 Nghị định 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ, Nhà trường tiến hành thu học phí theo năm học, cụ thể:

$$\begin{aligned} \text{Tổng học phí 1 năm học} &= \text{mức thu học phí 1 SV /1 tháng} \times 10 \text{ tháng} \\ &= 1.070.000 \text{ đồng/tháng} \times 10 \text{ tháng} = 10.700.000 \text{ đồng.} \end{aligned}$$

2.2. Đối với sinh viên hệ chính quy diện liên kết đào tạo, hệ liên thông thuộc các ngành khác và các thành phần kinh tế khác thì phải nộp cả học phí và kinh phí đào tạo, căn cứ vào Điều 5 Nghị định 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ, Nhà trường tiến hành thu học phí và kinh phí đào tạo theo năm học, cụ thể:

$$\text{Tổng học phí 1 năm học} = (\text{mức thu học phí 1 SV/1 tháng} + \text{kinh phí đào tạo/1 tháng}) \times 10 \text{ tháng.}$$

$$= (1.070.000 \text{ đồng/tháng} + 2.000.000 \text{ đồng/tháng}) \times 10 \text{ tháng} = 30.700.000 \text{ đồng}$$

III. Mức phí thi lại, học lại, học cải thiện điểm

Theo quy định hiện hành của Nhà nước, các sinh viên đăng ký học lại, học cải thiện điểm không thuộc diện được ngân sách nhà nước hỗ trợ vì vậy căn cứ vào khoản 8 điều 5 Nghị định 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ, Nhà trường thu theo mức phí bằng 150% học phí hiện tại, cụ thể:

3.1. Mức phí học lại, học cải thiện điểm trong đào tạo theo tín chỉ:

$$= \frac{\text{Tổng học phí 1 năm học} \times 1,5}{\text{Tổng số tín chỉ 1 năm học}}$$

$$= \frac{1.070.000 \text{đ/tháng} \times 10 \text{ tháng} \times 1,5}{35 \text{ tín chỉ}}$$

$$= 458.571 \text{ đồng/tín chỉ}$$

Làm tròn: **450.000 đồng/tín chỉ**

3.2. Mức phí học lại trong đào tạo theo niên chế:

$$= \frac{\text{Tổng học phí 1 năm học} \times 1,5}{\text{Tổng số ĐVHT 1 năm học}}$$

$$= \frac{1.070.000 \text{đ/tháng} \times 10 \text{ tháng} \times 1,5}{50 \text{ ĐVHT}}$$

$$= 302.830 \text{ đồng/ĐVHT}$$

Làm tròn: **300.000 đồng/ĐVHT**

3.3. Mức phí thi lại: **200.000 đồng/môn**



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*